

- UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
- LIÊN SỞ XÂY DỰNG - TÀI CHÍNH

CÔNG BỐ
THÔNG TIN VỀ GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH BẮC NINH THÁNG 7 NĂM 2026
(Số: 08/2026/CBGLS-XD-TC ngày 06 tháng 8 năm 2026)

Bắc Ninh, tháng 8 năm 2026

Số: 08/2026/CBGLS-XD-TC

Bắc Ninh, ngày 06 tháng 8 năm 2026

CÔNG BỐ

Thông tin về giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tháng 7 năm 2026

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH13 ngày 19/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Sau khi tổ chức khảo sát thực tế, thu thập thông tin về giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh, Liên sở Xây dựng - Tài chính công bố giá vật liệu xây dựng tại một số bến bãi khu vực các xã, phường và một số đơn vị sản xuất, kinh doanh tháng 07/2026 để các chủ đầu tư, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan áp dụng, tham khảo trong việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định.

I. Nội dung công bố thông tin giá vật liệu xây dựng

1. Thông tin một số loại vật liệu xây dựng thông thường

(Chi tiết kèm theo phụ lục 1)

Giá vật liệu xây dựng trong bảng công bố được xác định trên cơ sở khảo sát thực tế, thu thập thông tin về giá vật liệu xây dựng của các đơn vị kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tại thời điểm; báo giá của các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trong và ngoài tỉnh, mức giá công bố đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua tại bến bãi, đơn vị sản xuất, kinh doanh.

2. Thông tin giá của các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng

2.1. Bảng giá các doanh nghiệp *(chi tiết kèm theo phụ lục 2)*

Nhóm 1. Xi măng

- 1.1. Công ty Cổ phần xi măng La Hiên VVMI
- 1.2. Công ty TNHH GPS Việt Nam
- 1.3. Công ty TNHH một thành viên Toàn Yên Bắc Giang
- 1.4. Công ty TNHH TNC
- 1.5. Công ty xi măng Vicem Hoàng Thạch
- 1.6. Nhà máy xi măng Long Sơn

Nhóm 2. Gạch nung, gạch không nung

- 2.1. Công ty Quang Long (TNHH)
- 2.2. Công ty TNHH sản xuất gạch không nung Bắc Ninh
- 2.3. Công ty Cổ phần gạch Đại Kim
- 2.4. Công ty TNHH vật liệu xây dựng không nung Thuận Thành
- 2.5. Công ty TNHH vật liệu xây dựng VH Việt Nam
- 2.6. Công ty Cổ phần xây dựng Quang Vinh

Nhóm 3. Vật liệu ốp lát

- 3.1. Công ty TNHH bê tông cường độ cao
- 3.2. Công ty Cổ phần Catalan
- 3.3. Công ty Cổ phần kinh doanh gạch ốp lát Viglacera
- 3.4. Công ty TNHH Thạch Bàn
- 3.5. Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm
- 3.6. Công ty TNHH Thanh Thanh Tùng
- 3.7. Công ty Cổ phần Đá tự nhiên Ninh Bình
- 3.8. Công ty Cổ phần CMC
- 3.9. Công ty TNHH một thành viên thương mại và xuất nhập khẩu Prime

Nhóm 4. Tấm lợp

- 4.1. Công ty Cổ phần Austnam

Nhóm 5. Cửa các loại và trần nhà

- 5.1. Công ty Ngọc Hùng (TNHH)
- 5.2. Công ty TNHH TD Door
- 5.3. Công ty Cổ phần tập đoàn Singhal
- 5.4. Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng VENZA
- 5.5. Công ty Cổ phần nhôm Việt Pháp
- 5.6. Công ty Cổ phần sản xuất nhôm Xingfa
- 5.7. Công ty TNHH một thành viên thiết bị công nghệ Việt Thái
- 5.8. Công ty Cổ phần dịch vụ và thương mại Thống Nhất
- 5.9. Công ty TNHH thiết kế và quảng cáo Việt Z

Nhóm 6. Dây, cáp, thiết bị điện và phụ kiện

- 6.1. Công ty Cổ phần bóng đèn phích nước Rạng Đông
- 6.2. Công ty Cổ phần chiếu sáng đô thị Hoàng Phát
- 6.3. Công ty Cổ phần điện và chiếu sáng Phương Đông
- 6.4. Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam
- 6.5. Công ty Cổ phần tập đoàn Hanaka
- 6.6. Công ty Cổ phần thiết bị chiếu sáng Thiên Phúc
- 6.7. Công ty Cổ phần thiết bị điện Vinshine
- 6.8. Công ty Cổ phần xây lắp điện Hợp Thành
- 6.9. Công ty TNHH dây và cáp điện Vạn Xuân
- 6.10. Công ty TNHH điện và chiếu sáng Minh Đạt Phát
- 6.11. Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc

- 6.12. Công ty TNHH một thành viên Cadivi Miền Bắc
- 6.13. Công ty Cổ phần Vonta Việt Nam
- 6.14. Công ty Cổ phần đầu tư và thiết bị SK Việt Nam
- 6.15. Công ty Cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng
- 6.16. Công ty Cổ phần năng lượng và chiếu sáng đô thị Hoàng Gia
- 6.17. Công ty Cổ phần điện và chiếu sáng Thành Đạt

Nhóm 7. Ống nước, thiết bị vệ sinh và phụ kiện

- 7.1. Công ty Cổ phần nhựa Kaizen
- 7.2. Công ty Cổ phần VISUCO
- 7.3. Công ty TNHH vật liệu công nghiệp Thái Sơn
- 7.4. Công ty Cổ phần Santo
- 7.5. Công ty Cổ phần nhựa thiếu niên Tiền Phong
- 7.6. Công ty Cổ phần đầu tư công nghiệp Thuận Phát
- 7.7. Công ty TNHH đầu tư thương mại Huy Bảo

Nhóm 8. Cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông thương phẩm, Carbon Asphalt, bê tông nhựa

- 8.1. Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng Sông Đáy
- 8.2. Công ty TNHH xây dựng Đại An
- 8.3. Công ty TNHH thương mại và xây dựng Phạm Đình
- 8.4. Công ty TNHH Khánh Trang
- 8.5. Công ty Cổ phần xây dựng Sài Gòn - Kinh Bắc
- 8.6. Công ty Cổ phần thiết bị và VLXD HNT Thăng Long
- 8.7. Công ty Cổ phần bê tông Phạm Đình
- 8.8. Công ty TNHH sản xuất thương mại xây dựng Ngân Hà
- 8.9. Công ty TNHH bê tông nhựa Hoà Bình
- 8.10. Công ty Cổ phần xây dựng Vũ Hùng
- 8.11. Công ty Cổ phần sản xuất cọc Bắc Ninh
- 8.12. Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam
- 8.13. Công ty Cổ phần sản xuất cọc Bắc Ninh

2.2. Một số lưu ý khi sử dụng thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng.

a) Về thông tin giá:

Giá các loại vật tư, vật liệu công bố nêu trên được xác định và công bố theo giá niêm yết do các đơn vị sản xuất, kinh doanh cung cấp để chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan tham khảo; chưa loại trừ các khoản chiết khấu, ưu đãi, khuyến mãi, giảm giá (nếu có) của các đơn vị sản xuất, kinh doanh.

Các đơn vị sản xuất, cung ứng vật liệu xây dựng; các chủ đầu tư, nhà thầu trúng thầu tại các dự án đầu tư xây dựng có trách nhiệm cung cấp các thông tin về giá các yếu tố chi phí gửi Sở Xây dựng và Sở Tài chính để công bố giá theo quy định.

b) Yêu cầu đối với các đơn vị, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh niêm yết, công bố:

Thực hiện đầy đủ các nội dung theo Văn bản số 367/SXD-KTKH ngày 24/5/2025 của Sở Xây dựng Bắc Ninh về việc đăng ký niêm yết giá vào công bố giá vật liệu xây dựng liên Sở Xây dựng-Tài chính tỉnh Bắc Ninh.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các hồ sơ, tài liệu gửi liên Sở Xây dựng - Tài chính Bắc Ninh và mức giá mà đơn vị đã niêm yết, công bố; có trách nhiệm thông tin, công bố kịp thời khi thay đổi giá bán, chất lượng sản phẩm cho liên Sở Xây dựng-Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định pháp luật về hoạt động doanh nghiệp, thương mại, cạnh tranh, giá, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các quy định khác có liên quan. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa theo quy định pháp luật.

c) Yêu cầu đối với các cơ quan, đơn vị áp dụng, tham khảo công bố giá:

Khi áp dụng giá vật tư, vật liệu trong công bố giá này yêu cầu đơn vị sản xuất, kinh doanh cung cấp hồ sơ chất lượng và giá vật tư, vật liệu tại thời điểm đảm bảo phù hợp với mặt bằng thị trường, chống thất thoát, lãng phí, hoàn toàn chịu trách nhiệm về những sản phẩm, vật tư, vật liệu khi áp dụng.

Khuyến khích lựa chọn vật tư, vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường và có giá thành thấp.

II. Hướng dẫn áp dụng, tham khảo thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng trong công bố

Đối với các dự án, các công trình, hạng mục công trình đã và đang triển khai hiện nay trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, việc xử lý chuyển tiếp trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng thực hiện theo các quy định tại Điều 36, Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ.

Trường hợp vật liệu xây dựng chưa có trong công bố giá hoặc đã có nhưng giá vật liệu, chủng loại vật liệu không phù hợp với yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng, khả năng cung ứng và các điều kiện cụ thể khác theo từng dự án, công trình thì giá vật liệu xây dựng để xác định giá xây dựng công trình được thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá lựa chọn trên cơ sở tham khảo các nguồn thông tin về giá vật liệu xây dựng theo hướng dẫn tại Phụ lục II Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn khảo sát, thu thập, công bố thông tin về giá vật liệu xây dựng. Việc lựa chọn giá vật liệu xây dựng phải khách quan, minh bạch, đảm bảo hiệu quả của dự án, đồng thời kịp thời phản ánh thông tin về Sở Xây dựng và Sở Tài chính để cập nhật dữ liệu.

Chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan khi lập, thẩm tra, thẩm định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng cần căn cứ vào thời điểm, địa điểm công trình, địa điểm cung cấp vật tư, khối lượng vật liệu sử dụng, mục tiêu đầu tư, tính chất công trình, yêu cầu thiết kế và quy định quản lý chất lượng công trình để xem xét, lựa chọn loại vật tư, vật liệu hợp lý, xác định giá vật tư, vật liệu phù hợp

với mặt bằng thị trường, đảm bảo mục tiêu đầu tư, chống thất thoát, lãng phí. Tùy thuộc các điều kiện cụ thể của dự án, công trình liên quan đến yêu cầu về vật liệu xây dựng, chủ đầu tư lựa chọn xác định giá vật liệu xây dựng theo nguyên tắc lựa chọn giá phù hợp nhất, đảm bảo kinh tế, cạnh tranh, tiết kiệm hiệu quả.

Chủ đầu tư phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trong việc xác định giá vật liệu để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, đảm bảo chính xác, hiệu quả, phù hợp với giá thị trường, chống thất thoát trong đầu tư xây dựng./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Các Sở ngành liên quan;
- UBND các xã, phường;
- GĐ, PGĐ Sở XD, Sở TC;
- Công TTĐT Sở XD;
- Lưu: VT, QLG, KTKH Nnh.

T/M SỞ TÀI CHÍNH
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Huân

T/M SỞ XÂY DỰNG
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Quang Minh

PHỤ LỤC 1

THÔNG TIN GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG CHỦ YẾU TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC NINH
THÁNG 7 NĂM 2026

(Kèm theo Công bố số 08/2026/CBGLS-XD-TC ngày 06/8/2026 của liên Sở Xây dựng-Tài chính)

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Đơn giá chưa thuế VAT (đồng)
I	VẬT LIỆU CÁT (Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua, không bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình)										
1	Bến bãi trên tuyến Sông Cầu (đoạn tuyến từ Sông Thái Bình đến khu vực cầu Vát, tỉnh Bắc Ninh)										
		Cát san lấp	m ³	QCVN16:2023/BXD	Đen		Việt Nam	Không	Không bao gồm chi phí vận chuyển		240.000
		Cát xây trát	m ³		Loại 1		Việt Nam	Không			280.333
		Cát xây trát	m ³		Loại 2		Việt Nam	Không			264.286
		Cát vàng	m ³		Loại 1		Việt Nam	Không			746.667
		Cát vàng	m ³		Loại 2		Việt Nam	Không			684.444
		Sỏi	m ³		(1x2; 2x4; 4x6) cm		Việt Nam	Không			616.667
2	Bến bãi trên tuyến Sông Thái Bình (đoạn tuyến từ Lục Đầu Giang đến khu vực Cầu Trung Kênh, tỉnh Bắc Ninh)										
		Đá dăm	m ³		(1x2)cm		Việt Nam	Không			760.000
		Cát xây trát	m ³		Loại 1		Việt Nam	Không			270.000
		Cát vàng	m ³		Loại 1		Việt Nam	Không			700.000

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Đơn giá chưa thuế VAT (đồng)
3	Bến bãi trên tuyến Sông Đuống (đoạn tuyến từ cầu Bình Than đến khu vực cầu Kinh Dương Vương, tỉnh Bắc Ninh)										
		Cát xây trát	m ³		Loại 1		Việt Nam	Không			280.000
		Cát vàng	m ³		Loại 1		Việt Nam	Không			700.000
4	Bến bãi trên tuyến Sông Lục Nam (đoạn tuyến từ Sông Thái Bình đến khu vực cầu Nam Dương (Cầu Chũ) tỉnh Bắc Ninh)										
		Cát san lấp	m ³	QCVN16: 2023/BXD	Đen		Việt Nam	Không	Không bao gồm chi phí vận chuyển		260.000
		Cát xây trát	m ³		Loại 1		Việt Nam	Không			380.000
		Cát xây trát	m ³		Loại 2		Việt Nam	Không			316.667
		Cát vàng	m ³		Loại 1		Việt Nam	Không			790.000
		Cát vàng	m ³		Loại 2		Việt Nam	Không			625.000
5	Bến bãi trên tuyến Sông Thương (đoạn tuyến từ Sông Thái Bình đến khu vực cầu Bồ Hạ, tỉnh Bắc Ninh)										
		Cát san lấp	m ³	QCVN16: 2023/BXD	Đen		Việt Nam	Không	Không bao gồm chi phí vận chuyển		213.333
		Cát xây trát	m ³		Loại 1		Việt Nam	Không			290.000
		Cát vàng	m ³		Loại 1		Việt Nam	Không			700.000
		Cát vàng	m ³		Loại 2		Việt Nam	Không			525.000
		Sỏi	m ³		(1x2; 2x4; 4x6) cm		Việt Nam	Không			575.000
II VẬT LIỆU ĐÁ (Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua, không bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình)											
1	Công ty TNHH Tiến Long (thôn Đồng Ngẫu, xã Cai Kinh, tỉnh Lạng Sơn)										
		Đá dăm	m ³	QCVN16: 2023/BXD	(1x2) cm		Việt Nam	Không			360.000

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Đơn giá chưa thuế VAT (đồng)
		Đá dăm	m ³	QCVN16: 2023/BXD	(2x4) cm	Công ty TNHH Tiến Long (thôn Đồng Ngầu, xã Cai Kinh, tỉnh Lạng Sơn)	Việt Nam	Không	Không bao gồm chi phí vận chuyển		360.000
		Đá dăm	m ³	QCVN16: 2023/BXD	(4x6) cm		Việt Nam	Không			360.000
		Đá dăm	m ³	QCVN16: 2023/BXD	(0,5x1) cm		Việt Nam	Không			340.000
		Đá mặt	m ³	QCVN16: 2023/BXD	(0x0,5) cm		Việt Nam	Không			340.000
		Đá học	m ³	QCVN16: 2023/BXD			Việt Nam	Không			360.000
		Cấp phối đá dăm	m ³	QCVN16: 2023/BXD	Loại I		Việt Nam	Không			350.000
		Cấp phối đá dăm	m ³	QCVN16: 2023/BXD	Loại II		Việt Nam	Không			320.000
		Cát nghiền	m ³	QCVN16: 2023/BXD	ML:0-3mm		Việt Nam	Không			380.000
		Đất thải	m ³	QCVN16: 2023/BXD			Việt Nam	Không			140.000
2	Công ty TNHH khai thác mỏ Huyền Sơn (Mỏ đá thôn Lay 1, xã Thiện Tân, tỉnh Lạng Sơn)										
		Đá dăm	m ³	QCVN16: 2023/BXD	(1x2) cm	Công ty TNHH khai thác mỏ Huyền Sơn (Mỏ đá thôn Lay 1, xã Thiện Tân, tỉnh Lạng Sơn)	Việt Nam	Không	Không bao gồm chi phí vận chuyển		290.909
		Đá dăm	m ³	QCVN16: 2023/BXD	(2x4) cm		Việt Nam	Không			290.909
		Đá dăm	m ³	QCVN16: 2023/BXD	(0x0,5) cm		Việt Nam	Không			290.909
		Đá học	m ³	QCVN16: 2023/BXD			Việt Nam	Không			290.909
		Cấp phối đá dăm	m ³	QCVN16: 2023/BXD	Loại I		Việt Nam	Không			263.636
		Cấp phối đá dăm	m ³	QCVN16: 2023/BXD	Loại II		Việt Nam	Không			200.000

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Đơn giá chưa thuế VAT (đồng)
3	Công ty Cổ phần khai thác đá Đồng Tiến (Lân Lương III, xã Thiện Tân, tỉnh Lạng Sơn)										
		Đá dăm	m ³	QCVN16: 2023/BXD	(1x2) cm	Công ty TNHH An Thuận Phát Yên Vương (Mô Châm Đèo Phiếu, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn)	Việt Nam	Không	Không bao gồm chi phí vận chuyển		309.091
		Đá dăm	m ³	QCVN16: 2023/BXD	(2x4) cm		Việt Nam	Không			309.091
		Đá dăm	m ³	QCVN16: 2023/BXD	(0x0,5) cm		Việt Nam	Không			309.091
		Đá học	m ³	QCVN16: 2023/BXD			Việt Nam	Không			309.091
		Cấp phối đá dăm	m ³	QCVN16: 2023/BXD	Loại I		Việt Nam	Không			281.818
		Cấp phối đá dăm	m ³	QCVN16: 2023/BXD	Loại II		Việt Nam	Không			227.273
4	Công ty Cổ phần đá Đồng Mô (Thôn Đoàn Kết, xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn)										
		Đá dăm	m ³	QCVN16: 2023/BXD	(1x2) cm	Công ty Cổ phần Đá Đồng Mô (thôn Đoàn Kết, xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn)	Việt Nam	Không	Không bao gồm chi phí vận chuyển		263.000
		Đá dăm	m ³	QCVN16: 2023/BXD	(2x3, 2x4, 4x6) cm		Việt Nam	Không			254.000
		Bột đá	m ³	QCVN16: 2023/BXD			Việt Nam	Không			272.000
		Đá học	m ³	QCVN16: 2023/BXD			Việt Nam	Không			235.000
		Cấp phối đá dăm	m ³	QCVN16: 2023/BXD	Loại I		Việt Nam	Không			251.000
		Cấp phối đá dăm	m ³	QCVN16: 2023/BXD	Loại II		Việt Nam	Không			213.000

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Đơn giá chưa thuế VAT (đồng)
5	Công ty TNHH An Thuận Phát Yên Vượng (thôn Sơn Đông, xã Cai Kinh, tỉnh Lạng Sơn)										
		Đá dăm	Tấn	QCVN16: 2023/BXD	(1x2) cm	Công ty TNHH An Thuận Phát Yên Vượng (thôn Sơn Đông, xã Cai Kinh, tỉnh Lạng Sơn)	Việt Nam	Không	Không bao gồm chi phí vận chuyển		253.300
		Đá dăm	Tấn	QCVN16: 2023/BXD	(2x4) cm		Việt Nam	Không			253.300
		Đá dăm	Tấn	QCVN16: 2023/BXD	(4x6) cm		Việt Nam	Không			253.300
		Đá hộc	Tấn	QCVN16: 2023/BXD			Việt Nam	Không			265.400
		Đá mặt	Tấn	QCVN16: 2023/BXD	(0x0,5) cm		Việt Nam	Không			253.300
		Cấp phối đá dăm	Tấn	QCVN16: 2023/BXD	Loại I		Việt Nam	Không			246.000
		Cấp phối đá dăm	Tấn	QCVN16: 2023/BXD	Loại II		Việt Nam	Không			232.400
III	ĐẤT ĐỒI SAN LẤP, LÀM ĐƯỜNG (Giá công bố là giá bán đất rời (đất toi xốp) tại mỏ khai thác, trên phương tiện vận chuyển của bên mua. Hệ số nở rời nêu trong Bảng giá là hệ số chuyển đổi thể tích từ đất tự nhiên sang đất toi xốp (hệ số được nêu trong Giấy phép khai thác khoáng sản của doanh nghiệp). Khi xác định khối lượng đất rời dùng để đắp, chủ đầu tư cần xác định lại hệ số toi xốp của đất cho phù hợp với thực tế).										
1	Công ty TNHH vận tải Hoàng Cơ (Mỏ khu vực Dốc Cửa Khuôn, thôn Quỳnh Cà, xã Nghĩa Phương, tỉnh Bắc Ninh)										
	Vật liệu khác	Đất đồi san lấp (Hệ số nở rời 1,299)	m ³	TCVN 4201:2012	Đất san nền	Công ty TNHH vận tải Hoàng Cơ (Mỏ khu vực Dốc Cửa Khuôn, thôn Quỳnh Cà, xã Nghĩa Phương, tỉnh Bắc Ninh)	Việt Nam	Không	Không bao gồm chi phí vận chuyển		50.000

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Đơn giá chưa thuế VAT (đồng)
2	Công ty TNHH khoáng sản Vũ Gia BG (Mỏ khu vực Ao Gáo, thôn Trại Vành, xã Đồng Kỳ, tỉnh Bắc Ninh)										
	Vật liệu khác	Đất đồi san lấp (Hệ số nở rời 1,28)	m ³	TCVN 4201:2012	Đất san nền	Công ty TNHH khoáng sản Vũ Gia BG (Mỏ khu vực Ao Gáo, thôn Trại Vành, xã Đồng Kỳ, tỉnh Bắc Ninh)	Việt Nam	Không	Không bao gồm chi phí vận chuyển		68.000
3	Công ty TNHH TMDV vận tải Vũ Quân (Khu vực hồ Dũng, thôn Tòng Lệnh 3, xã Nghĩa Phương, tỉnh Bắc Ninh)										
	Vật liệu khác	Đất đồi san lấp (Hệ số nở rời 1,26)	m ³	TCVN 4201:2012	Đất san nền	Công ty TNHH TMDV vận tải Vũ Quân (Khu vực hồ Dũng, thôn Tòng Lệnh 3, xã Nghĩa Phương, tỉnh Bắc Ninh)	Việt Nam	Không	Không bao gồm chi phí vận chuyển		65.000
4	Công ty TNHH khai thác khoáng sản Hoàng Hà (Khu vực Bãi Bằng, thôn An Sơn, xã Nghĩa Phương, tỉnh Bắc Ninh)										
	Vật liệu khác	Đất đồi san lấp (Hệ số nở rời 1,28)	m ³	TCVN 4201:2012	Đất san nền	Công ty TNHH khai thác khoáng sản Hoàng Hà (Khu vực Bãi Bằng, thôn An Sơn, xã Nghĩa Phương, tỉnh Bắc Ninh)	Việt Nam	Không	Không bao gồm chi phí vận chuyển		50.000
	Vật liệu khác	Đất đồi đắp nền đường (Hệ số nở rời 1,28)	m ³	TCVN 4201:2012	Đất K95	Công ty TNHH khai thác khoáng sản Hoàng Hà (Khu vực Bãi Bằng, thôn An Sơn, xã Nghĩa Phương, tỉnh Bắc Ninh)	Việt Nam	Không			60.000
	Vật liệu khác	Đất đồi đắp nền đường (Hệ số nở rời 1,28)	m ³	TCVN 4201:2012	Đất K98	Công ty TNHH khai thác khoáng sản Hoàng Hà (Khu vực Bãi Bằng, thôn An Sơn, xã Nghĩa Phương, tỉnh Bắc Ninh)	Việt Nam	Không			65.000
5	Công ty TNHH tư vấn đầu tư và xây dựng công trình Đức Tâm (Thôn Thành Chung, xã Yên Thế, tỉnh Bắc Ninh)										
	Vật liệu khác	Đất đồi san lấp (Hệ số nở rời 1,24)	m ³	TCVN 4201:2012	Đất san nền	Công ty TNHH tư vấn đầu tư và xây dựng công trình Đức Tâm (Thôn Thành Chung, xã Yên Thế, tỉnh Bắc Ninh)	Việt Nam	Không			87.272

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Đơn giá chưa thuế VAT (đồng)
	Vật liệu khác	Đất đồi đắp nền đường (Hệ số nở rời 1,24)	m ³	TCVN 4201:2012	Đất K95	xây dựng công trình Đức Tâm (Thôn Thành Chung, xã Yên Thế, tỉnh Bắc Ninh)	Việt Nam	Không	Không bao gồm chi phí vận chuyển		87.272
	Vật liệu khác	Đất đồi đắp nền đường (Hệ số nở rời 1,24)	m ³	TCVN 4201:2012	Đất K98		Việt Nam	Không			87.272
6	Công ty TNHH Sản xuất gạch ngói Ngọc Lý (Khu vực Núi Phang, Núi Khổng, thôn Mỏ Thổ, phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh)										
	Vật liệu khác	Đất đồi san lấp (Hệ số nở rời 1,17)	m ³	TCVN 4201:2012	Đất san nền	Công ty TNHH Sản xuất gạch ngói Ngọc Lý (Khu vực Núi Phang, thôn Mỏ Thổ, phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh)	Việt Nam	Không	Không bao gồm chi phí vận chuyển		77.000
7	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hoàng Anh Đạt (Khu vực Núi Tiêu, thôn Hương, xã Phúc Hoà, tỉnh Bắc Ninh)										
	Vật liệu khác	Đất đồi san lấp (Hệ số nở rời 1,26)	m ³	TCVN 4201:2012	Đất san nền	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hoàng Anh Đạt (Khu vực Núi Tiêu, thôn Hương, xã Phúc Hoà, tỉnh Bắc Ninh)	Việt Nam	Không	Không bao gồm chi phí vận chuyển		77.000
8	Công ty Cổ phần đầu xây dựng 68 Trường Sinh (Khu vực Hang Chiềng, thôn Dốc Linh, xã Nghĩa Phương, tỉnh Bắc Ninh)										
	Vật liệu khác	Đất đồi san lấp (Hệ số nở rời 1,28)	m ³	TCVN 4201:2012	Đất san nền	Công ty Cổ phần đầu xây dựng 68 Trường Sinh (Khu vực Hang Chiềng, thôn Dốc Linh, xã Nghĩa Phương, tỉnh Bắc Ninh)	Việt Nam	Không	Không bao gồm chi phí vận chuyển		50.000

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Đơn giá chưa thuế VAT (đồng)
9	Công ty TNHH khoáng sản Trung Bắc (Khu vực Núi Kê, Thôn Kê và núi Nội Ninh, phường Văn Hà, tỉnh Bắc Ninh)										
	Vật liệu khác	Đất đồi san lấp (Hệ số nở rời 1,27)	m ³	TCVN 4201:2012	Đất san nền	Công ty TNHH khoáng sản Trung Bắc (Khu vực Núi Kê, Thôn Kê và núi Nội Ninh, phường Văn Hà, tỉnh Bắc Ninh)	Việt Nam	Không	Không bao gồm chi phí vận chuyển		72.727
10	Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Bắc Giang (Mô khu vực Rừng đào thôn Báo Lộc 1, xã Báo Sơn, tỉnh Bắc Ninh)										
	Vật liệu khác	Đất đồi san lấp (Hệ số nở rời 1,31)	m ³	TCVN 4201:2012	Đất san nền	Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Bắc Giang (Mô khu vực Rừng đào thôn Báo Lộc 1, xã Báo Sơn, tỉnh Bắc Ninh)	Việt Nam	Không	Không bao gồm chi phí vận chuyển		50.000
11	Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Bắc Giang (Mô khu vực Cây và, thôn Hồ Vầu, xã Tân Hưng, tỉnh Bắc Ninh)										
	Vật liệu khác	Đất đồi san lấp (Hệ số nở rời 1,301)	m ³	TCVN 4201:2012	Đất san nền	Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Bắc Giang (Mô khu vực Cây và, thôn Hồ Vầu, xã Tân Hưng, tỉnh Bắc Ninh)	Việt Nam	Không	Không bao gồm chi phí vận chuyển		41.000
12	Công ty TNHH xây dựng và thương mại Nguyễn Tuấn (Mô khu vực đồi Chùa Am, Bờ Vành, thôn Tiêu, xã Nhả Nam, tỉnh Bắc Ninh)										
	Vật liệu khác	Đất đồi san lấp (Hệ số nở rời 1,27)	m ³	TCVN 4201:2012	Đất san nền	Công ty TNHH xây dựng và thương mại Nguyễn Tuấn (Mô khu vực đồi Chùa Am, Bờ Vành, thôn Tiêu, xã, tỉnh Bắc Ninh)	Việt Nam	Không	Không bao gồm chi phí vận chuyển		63.636

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Đơn giá chưa thuế VAT (đồng)
13	Công ty TNHH Một thành viên Vĩnh Long (Mô khu vực núi Bồng, thôn Bồng, phường Phụng Sơn, tỉnh Bắc Ninh)										
	Vật liệu khác	Đất đồi san lấp (Hệ số nở rời 1,29)	m ³	TCVN 4201:2012	Đất san nền	Công ty TNHH Một thành viên Vĩnh Long (Mô khu vực núi Bồng, thôn Bồng, phường Phụng Sơn, tỉnh Bắc Ninh)	Việt Nam	Không	Không bao gồm chi phí vận chuyển	• •	47.000
14	Công ty Cổ phần xây dựng kiến trúc và thương mại Green House (Mô khu vực núi Giá Sơn, núi Hữu Nghi và núi Nội Ninh, thôn Giá Sơn, thôn Hữu Nghi, thôn Nội Ninh, phường Vân Hà, tỉnh Bắc Ninh)										
	Vật liệu khác	Đất đồi san lấp (Hệ số nở rời 1,29)	m ³	TCVN 4201:2012	Đất san nền	Công ty Cổ phần xây dựng kiến trúc và thương mại Green House (Mô khu vực núi Giá Sơn, núi Hữu Nghi và núi Nội Ninh, thôn Giá Sơn, thôn Hữu Nghi, thôn Nội Ninh, phường Vân Hà, tỉnh Bắc Ninh)	Việt Nam	Không	Không bao gồm chi phí vận chuyển	•	72.727
IV	SẮT THÉP										
1	Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên										
		Thép tròn cuộn, thép cây									
	Thép xây dựng	Thép tròn trơn D6, D8 cuộn CT3, CB240-T.	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		14.850
	Thép xây dựng	Thép vằn D8 cuộn SD295A, CB300-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		14.850

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Đơn giá chưa thuế VAT (đồng)
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D9 cây L=11,7m SD295A, CB300-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.550
	Thép xây dựng	Thép vằn D10 cuộn CT5, SD295A, CB300-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		14.900
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D10 cây L=11,7m CT5, SD295A, Gr40	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.500
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D12 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.300
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D14 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.250
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D16 cây L=11,7m CT5, SD295A, Gr40	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.250
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D18÷D40 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.250
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D10 cây CB300-V, CB400-V, CB500-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.600
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D12 cây L=11,7m, CB400-V, CB500-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.400
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D14÷D40 cây L=11,7m, CB400-V, CB500-V, CB300-V D16	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.350

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Đơn giá chưa thuế VAT (đồng)
		<i>Thép hình các loại</i>									
	Thép xây dựng	Thép góc L40 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.550
	Thép xây dựng	Thép góc L50 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.350
	Thép xây dựng	Thép góc L60 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.350
	Thép xây dựng	Thép góc L63÷L65 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.300
	Thép xây dựng	Thép góc L70÷L80 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.250
	Thép xây dựng	Thép góc L90 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.400
	Thép xây dựng	Thép góc L100 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.400
	Thép xây dựng	Thép góc L120÷L130 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		16.650
	Thép xây dựng	Thép góc L150, SS400, L=6m, 9m, 12m	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		17.000

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Đơn giá chưa thuế VAT (đồng)
	Thép xây dựng	Thép góc L100 SS540, L=6m, 9m, 12m	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		17.000
	Thép xây dựng	Thép góc L120÷L130 SS540, L=6m, 9m, 12m	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		17.000
	Thép xây dựng	Thép góc L150 SS540, L=6m, 9m, 12m	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		17.200
	Thép xây dựng	Thép C8÷C10 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.350
	Thép xây dựng	Thép C12 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.400
	Thép xây dựng	Thép C14 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.850
	Thép xây dựng	Thép C15 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.850
	Thép xây dựng	Thép C16 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.850
	Thép xây dựng	Thép I10 SS400, L=6m, 9m, 12m	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		16.000
	Thép xây dựng	Thép I12 SS400, L=6m, 9m, 12m	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.950

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Đơn giá chưa thuế VAT (đồng)
	Thép xây dựng	Thép I15 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		16.200
2	Công ty Cổ phần Thép Việt ý										
	Thép xây dựng	Thép tròn trơn D6, D8 cuộn CB240T	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần Thép Việt ý	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.200
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D10 CB300-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần Thép Việt ý	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.350
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D10 CB400-V, CB500-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần Thép Việt ý	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.550
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D12 CB300-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần Thép Việt ý	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.250
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D12 CB400-V, CB500-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần Thép Việt ý	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.450
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D13-D32 cây CB300-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần Thép Việt ý	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.200
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D13-D32 CB400-V, CB500-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần Thép Việt ý	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.350
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D36 CB400-V, CB500-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần Thép Việt ý	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.550

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Đơn giá chưa thuế VAT (đồng)
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D40 CB400-V, CB500-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty Cổ phần Thép Việt ý	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.650
3	Công ty CP tập đoàn VAS Nghi Sơn										
	Thép xây dựng	Thép thanh tròn trơn dạng cuộn, đường kính 6 mm-8 mm. Mác thép CB240-T	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty cổ phần tập đoàn VAS Nghi Sơn	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		14.270
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn dạng cuộn, đường kính 8 mm. Mác thép CB300-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty cổ phần tập đoàn VAS Nghi Sơn	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		14.370
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn, đường kính 10 mm. Mác thép CB300-V và Gr40	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty cổ phần tập đoàn VAS Nghi Sơn	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		14.520
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn, đường kính 12 mm. Mác thép CB300-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty cổ phần tập đoàn VAS Nghi Sơn	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		14.320
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn, đường kính 14 mm-20 mm. Mác thép CB300-V và Gr40	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty cổ phần tập đoàn VAS Nghi Sơn	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		14.320
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn, đường kính 10 mm. Mác thép CB400-V và CB500-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty cổ phần tập đoàn VAS Nghi Sơn	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		14.870
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn, đường kính 12 mm. Mác thép CB400-V và CB500-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty cổ phần tập đoàn VAS Nghi Sơn	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		14.670
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn, đường kính 14 mm-32 mm. Mác thép CB400-V và CB500-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty cổ phần tập đoàn VAS Nghi Sơn	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		14.670

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Đơn giá chưa thuế VAT (đồng)
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn, đường kính 36 mm Mác thép CB400-V và CB500-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty cổ phần tập đoàn VAS Nghi Sơn	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		14.870
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn, đường kính 40 mm Mác thép CB400-V và CB500-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty cổ phần tập đoàn VAS Nghi Sơn	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.070
4	Công ty TNHH NatSteel Vina										
	Thép xây dựng	Thép cuộn tròn trơn d6 CB240-T	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty TNHH NatSteel Vina	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.370
	Thép xây dựng	Thép cuộn tròn trơn d8 CB240-T	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty TNHH NatSteel Vina	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.370
	Thép xây dựng	Thép cuộn vằn d8 CB300-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty TNHH NatSteel Vina	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.370
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d9 CB300-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty TNHH NatSteel Vina	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.820
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d10 CB300-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty TNHH NatSteel Vina	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.820
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d12 CB300-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty TNHH NatSteel Vina	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.620
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d14 CB300-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty TNHH NatSteel Vina	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.620

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Đơn giá chưa thuế VAT (đồng)
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d16 CB300-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty TNHH NatSteel Vina	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.620
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d18 CB300-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty TNHH NatSteel Vina	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.620
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d20 CB300-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty TNHH NatSteel Vina	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.620
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d22 CB300-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty TNHH NatSteel Vina	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.620
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d25 CB300-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty TNHH NatSteel Vina	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.620
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d10 CB400-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty TNHH NatSteel Vina	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		16.120
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d12 CB400-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty TNHH NatSteel Vina	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.920
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d14 CB400-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty TNHH NatSteel Vina	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.920
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d16 CB400-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty TNHH NatSteel Vina	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.920
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d18 CB400-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty TNHH NatSteel Vina	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.920

Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Đơn giá chưa thuế VAT (đồng)
Thép xây dựng	Thép thanh vằn d20 CB400-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty TNHH NatSteel Vina	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.920
Thép xây dựng	Thép thanh vằn d22 CB400-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty TNHH NatSteel Vina	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.920
Thép xây dựng	Thép thanh vằn d25 CB400-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty TNHH NatSteel Vina	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.920
Thép xây dựng	Thép thanh vằn d28 CB400-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty TNHH NatSteel Vina	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.920
Thép xây dựng	Thép thanh vằn d32 CB400-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty TNHH NatSteel Vina	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		15.920
Thép xây dựng	Thép thanh vằn d10 CB500-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty TNHH NatSteel Vina	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		16.220
Thép xây dựng	Thép thanh vằn d12 CB500-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty TNHH NatSteel Vina	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		16.020
Thép xây dựng	Thép thanh vằn d14 CB500-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty TNHH NatSteel Vina	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		16.020
Thép xây dựng	Thép thanh vằn d16 CB500-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty TNHH NatSteel Vina	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		16.020
Thép xây dựng	Thép thanh vằn d18 CB500-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty TNHH NatSteel Vina	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		16.020

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Đơn giá chưa thuế VAT (đồng)
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d20 CB500-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty TNHH NatSteel Vina	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		16.020
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d22 CB500-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty TNHH NatSteel Vina	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		16.020
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d25 CB500-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty TNHH NatSteel Vina	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		16.020
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d28 CB500-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty TNHH NatSteel Vina	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		16.020
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d32 CB500-V	kg	QCVN07:2019/B KHCN		Công ty TNHH NatSteel Vina	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua		16.020
V	NHỰA ĐƯỜNG (Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex)										
	Vật liệu khác	Nhựa đường 60/70- Xá	kg		Loại nhựa đường - Xá	Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Không	Giá chưa có chi phí vận chuyển		19.000
	Vật liệu khác	Nhựa đường nhũ tương CRSI-Xá	kg		Loại nhựa đường - Xá	Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Không	Giá chưa có chi phí vận chuyển		14.900
	Vật liệu khác	Nhựa đường nhũ tương CSSI-Xá	kg		Loại nhựa đường - Xá	Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Không	Giá chưa có chi phí vận chuyển		16.400

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Đơn giá chưa thuế VAT (đồng)
	Vật liệu khác	Nhũ tương gốc Axit 60% - Xá	kg		Loại nhựa đường - Xá	Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Không	Giá chưa có chi phí vận chuyển		15.400
	Vật liệu khác	Nhựa đường polime PMB 1-Xá	kg		Loại nhựa đường - Xá	Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Không	Giá chưa có chi phí vận chuyển		26.800
	Vật liệu khác	Nhựa đường polime PMB 3-Xá	kg		Loại nhựa đường - Xá	Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Không	Giá chưa có chi phí vận chuyển		27.100
	Vật liệu khác	Nhựa đường lỏng MC70- Xá	kg		Loại nhựa đường - Xá	Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Không	Giá chưa có chi phí vận chuyển		30.700
	Vật liệu khác	Nhựa đường 60/70- Phuy	kg		Loại nhựa đường - phuy	Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Không	Giá chưa có chi phí vận chuyển		20.500
	Vật liệu khác	Nhựa đường nhũ tương CRSI-Phuy	kg		Loại nhựa đường - phuy	Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Không	Giá chưa có chi phí vận chuyển		17.400
	Vật liệu khác	Nhựa đường nhũ tương CSSI-Phuy	kg		Loại nhựa đường - phuy	Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Không	Giá chưa có chi phí vận chuyển		18.900
	Vật liệu khác	Nhựa đường lỏng MC70-Phuy	kg		Loại nhựa đường - phuy	Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Không	Giá chưa có chi phí vận chuyển		33.200

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Đơn giá chưa thuế VAT (đồng)
VI	SƠN TƯỜNG DẠNG NHŨ TƯƠNG, BỘT BẢ (Công ty CP Tập đoàn MANTA Việt Nam; Công ty Cổ phần WINDY VIETNAM; Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Venza; Công ty Cổ phần INFOR Việt Nam; Công ty TNHH Thương mại tổng hợp và xây dựng Anh Tâm; Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Thắng; Chi nhánh Công ty Cổ phần L.Q Joton tại Hải Dương; Công ty CPTM Sản xuất Quốc tế Nanozio; Công ty Cổ phần Sơn Jymec Việt Nam; Công ty TNHH Liên doanh đầu tư và xây dựng Pretty; Công ty TNHH sản xuất thương mại Kolor Paint Việt Nam; Công ty TNHH Sơn Nam Kinh; Công ty CP đầu tư công nghệ Sơn Apex Việt Nam; Công ty TNHH Akzo Nobel Việt Nam; Công ty CP Sơn MAXXS Việt Nam; Công ty Tây Bắc-BQP; Công ty Cổ phần sản xuất và kinh doanh NANO G8; Công ty Cổ phần tập đoàn sản xuất thương mại Sơn Việt Nhật; Công ty TNHH Sơn RonSpec; Công ty TNHH MTV Javitex Miền Bắc TDG; Công ty Cổ phần ST Quốc tế; Công ty Cổ phần tập đoàn Diston; Công ty Cổ phần phát triển TC-Global; Công ty Cổ phần đầu tư hợp tác công nghệ sơn Japan Paint; Công ty Cổ phần đầu tư Sơn Korler Việt Nam; Công ty Cổ phần sơn Vinaeco)										
	Sơn	Bột bả trong nhà	kg	TCVN 7239:2014			Việt Nam	Không			5.500
	Sơn	Bột bả ngoài trời	kg	TCVN 7239:2014			Việt Nam	Không			5.500
	Sơn	Sơn lót tường kháng kiềm trong nhà	lít	QCVN16:2019/BXD; QCVN16:2023/BXD			Việt Nam	Không			36.900
	Sơn	Sơn lót tường kháng kiềm ngoài trời	lít	QCVN16:2019/BXD; QCVN16:2023/BXD			Việt Nam	Không			66.000
	Sơn	Sơn mịn phủ nội thất	lít	QCVN16:2019/BXD; QCVN16:2023/BXD			Việt Nam	Không			23.500
	Sơn	Sơn bóng phủ nội thất	lít	QCVN16:2019/BXD; QCVN16:2023/BXD			Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh		81.200

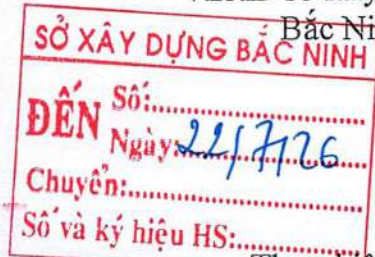
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Đơn giá chưa thuế VAT (đồng)
	Sơn	Sơn nội thất cao cấp	lít	QCVN16:2019/BXD; QCVN16:2023/BXD			Việt Nam	Không			97.100
	Sơn	Sơn mịn phủ ngoại thất	lít	QCVN16:2019/BXD; QCVN16:2023/BXD			Việt Nam	Không			50.200
	Sơn	Sơn bóng phủ ngoại thất	lít	QCVN16:2019/BXD; QCVN16:2023/BXD			Việt Nam	Không			97.100
	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp	lít	QCVN16:2019/BXD; QCVN16:2023/BXD			Việt Nam	Không			116.000
	Sơn	Sơn chống thấm trộn xi măng	lít	QCVN16:2019/BXD; QCVN16:2023/BXD			Việt Nam	Không			75.600

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP
MỎ VIỆT BẮC TKV – CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
LA HIÊN VVMI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 07 năm 2026

Số: 917.../CV-KDĐT
V/v giá vật tư, vật liệu xây dựng để
đăng ký niêm yết giá tại Công bố giá
VLXD sở Xây Dựng, sở Tài chính
Bắc Ninh năm 2026



Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh
Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh

Thực hiện quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI gửi Bảng kê khai mức giá vật liệu xây dựng thông thường (đính kèm Bảng kê khai mức giá).

Mức giá kê khai này thực hiện từ 00h ngày 21/07/2026.

Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, P. KDĐT, P. KTTKTC.



GIÁM ĐỐC

Trần Quang Khải

- Họ và tên người nộp văn bản: Trịnh Thị Bình
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, Tỉnh Thái Nguyên
- Nhà máy sản xuất: Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.
- Số điện thoại liên lạc: 0985.158.355

**GHI NHẬN NGÀY NỘP VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ
CỦA CƠ QUAN TIẾP NHẬN**

(Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm
nhận được văn bản kê khai giá và đóng dấu công văn đến)

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC
TKV – CTC
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 07 năm 2026



BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số 117/ CV-KDTT ngày 17 tháng 07 năm 2026 của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI về việc kê khai giá vật liệu xây dựng thông thường)

1. Mức giá kê khai bán trong tỉnh Bắc Ninh (tại kho bên bán): Mức giá kê khai này đã bao gồm 8% thuế giá trị gia tăng

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước (%)	Ghi chú
1	Xi măng bao PCB30	TCVN 6260:2020	VND/tấn	Bán buôn, bán lẻ	1.135.000	1.165.000	21/07/2026	30.000	2,64	Tăng do biến động thị trường
2	Xi măng bao PCB40	nt	VND/tấn	Bán buôn, bán lẻ	1.205.000	1.235.000	21/07/2026	30.000	2,49	Tăng do biến động thị trường
3	Xi măng rời PCB30	nt	VND/tấn	Bán buôn, bán lẻ	860.000	860.000				
4	Xi măng rời PCB40	nt	VND/tấn	Bán buôn, bán lẻ	930.000	930.000				
5	Xi măng rời PCB30 (Jumbo)	nt	VND/tấn	Bán buôn, bán lẻ	890.000	890.000				
6	Xi măng rời PCB40 (Jumbo)	nt	VND/tấn	Bán buôn, bán lẻ	960.000	960.000				
7	Clinker CPC50	TCVN 7024:2013	VND/tấn	Bán buôn, bán lẻ	810.000	810.000				

CÔNG TY TNHH GPS VIỆT NAM

Số: 1607/GPS/CV/2026

V/v đăng ký niêm yết giá tại Công bố
giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính
Bắc Ninh tháng 7/2026

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2026

SỞ XÂY DỰNG BẮC NINH

ĐẾN Số:.....
Ngày: 23/7/26
Chuyên:.....
Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: - Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh;
- Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh.

Thực hiện theo Văn bản số 367/SXD-KTKH ngày 24/7/2025 của Sở Xây dựng về đăng ký niêm yết giá vào Công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Bắc Ninh.

Công ty TNHH GPS Việt Nam đề nghị Liên Sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Bắc Ninh Công bố giá các sản phẩm chống thấm, vữa rót không co ngót, băng cản nước do Công ty chúng tôi sản xuất, kinh doanh vào Bảng công bố giá VLXD Liên Sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Bắc Ninh, kèm theo tài liệu như sau:

1. Bảng giá sản phẩm, hàng hóa của Công ty TNHH GPS Việt Nam kèm theo áp dụng từ ngày **01/07/2026** đến khi có Bảng niêm yết giá mới.

2. Hồ sơ chất lượng: Đã nộp tại kỳ công bố giá Quý I/2026 gồm

- Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn số 2511/TB-SKHCN, ngày 23/10/2024 của Sở Khoa học và Công nghệ TP Hà Nội có giá trị đến ngày 11 tháng 01 năm 2027 (đối với các sản phẩm vữa xi măng trộn sẵn không co).

- Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn số 2513/TB-SKHCN, ngày 23/10/2024 của Sở Khoa học và Công nghệ TP Hà Nội có giá trị đến ngày 11 tháng 01 năm 2027 (đối với các sản phẩm chống thấm băng chặn nước PVC).

- Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn số 2512/TB-SKHCN, ngày 23/10/2024 của Sở Khoa học và Công nghệ TP Hà Nội có giá trị đến ngày 11 tháng 01 năm 2027 (đối với các sản phẩm chống thấm gốc xi măng - polymer).

- Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn số 329/TB-SXD(KTXD) ngày 01/04/2025 của Sở Xây Dựng TP Hà Nội có giá trị đến ngày 11 tháng 01 năm 2027 (đối với các sản phẩm vữa, keo dán gạch gốc xi măng và sơn nhũ tương bitum).

- Giấy đăng ký kinh doanh số 0104496689 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 24/02/2010 cấp điều chỉnh lần 5 ngày 22/11/2022

3. Thông tin khác:

Địa chỉ công ty: Số 64/54 Lê Quang Đạo, Từ Liêm, Hà Nội

Số điện thoại: 0243 6614 999 ; Email: hotmail@gpsvietnam.vn

Người đại công ty: Ông Bùi Đức Hiếu - chức vụ: Giám đốc - Số ĐT: 0962.598.999

Người chịu trách nhiệm báo giá: bà Nguyễn Thị Xuân - Số ĐT: 0985.590.299.

Email: salesadmin@gpsvietnam.vn

Công ty TNHH GPS Việt Nam cam kết về các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá Liên Sở Xây dựng - Tài chính đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng, nguồn gốc xuất xứ, khả năng và phạm vi cung ứng vật liệu, phù hợp với giá thị trường tại thời điểm đề nghị, khách quan, minh bạch, đảm bảo kinh tế, cạnh tranh, tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả, không vi phạm các quy định về



khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng; Chất lượng sản phẩm hàng hóa đảm bảo theo quy định Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Luật quy chuẩn và tiêu chuẩn; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực pháp luật về giá, pháp luật về cạnh tranh và pháp luật về lĩnh vực có liên quan, đặc biệt hiểu rõ nghĩa vụ của tổ chức, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh theo quy định tại Điều 7, Điều 9 Luật Giá số 16/2023/QH15 và cam kết chấp hành nghiêm pháp luật về giá và quy định pháp luật có liên quan.

Công ty TNHH GPS Việt Nam xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký và niêm yết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT





Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2026

BẢNG NIÊM YẾT GIÁ

(Kèm theo công văn số 1607/GPSCV/2026 ngày 16 tháng 07 năm 2026 của Công ty TNHH GPS Việt Nam
Áp dụng từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo giá mới)

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh(chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]
1	Vật liệu khác	Vữa xi măng khô trộn sẵn không co - GPS GROUT M30	kg	TCVN 9204:2012	25kg/bao	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 25kg	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		7.400
2	Vật liệu khác	Vữa xi măng khô trộn sẵn không co - GPS GROUT M35	kg	TCVN 9204:2012	25kg/bao	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 25kg	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		7.700
3	Vật liệu khác	Vữa xi măng khô trộn sẵn không co - GPS GROUT M40	kg	TCVN 9204:2012	25kg/bao	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 25kg	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		8.200
4	Vật liệu khác	Vữa xi măng khô trộn sẵn không co - GPS GROUT M45	kg	TCVN 9204:2012	25kg/bao	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 25kg	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		8.500
5	Vật liệu khác	Vữa xi măng khô trộn sẵn không co - GPS GROUT M50	kg	TCVN 9204:2012	25kg/bao	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 25kg	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		9.100
6	Vật liệu khác	Vữa xi măng khô trộn sẵn không co - GPS GROUT M60	kg	TCVN 9204:2012	25kg/bao	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 25kg	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		9.800
7	Vật liệu khác	Vữa xi măng khô trộn sẵn không co - GPS GROUT M70	kg	TCVN 9204:2012	25kg/bao	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 25kg	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		11.200

*Trường hợp phân chia khu vực nội thành và ngoại thành, đề nghị thể hiện rõ bao gồm các quận / huyện / thành phố nào trong khu vực

8	Vật liệu khác	Vữa xi măng khô trộn sẵn không co - GPS GROUT M80	kg	TCVN 9204:2012	25kg/bao	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 25kg	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		12.600
9	Vật liệu khác	Vữa xi măng khô trộn sẵn không co - GPS GROUT M90	kg	TCVN 9204:2012	25kg/bao	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 25kg	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		21.000
10	Vật liệu khác	Vữa xi măng khô trộn sẵn không co - GPS GROUT M100	kg	TCVN 9204:2012	25kg/bao	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 25kg	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		25.000
11	Vật liệu khác	Vữa xi măng khô trộn sẵn không co - GPS U GROUT M110	kg	TCVN 9204:2012	25kg/bao	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 25kg	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		27.000
12	Vật liệu khác	Vữa xi măng khô trộn sẵn không co - GPS U GROUT M120	kg	TCVN 9204:2012	25kg/bao	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 25kg	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		30.000
13	Vật liệu khác	Vữa xi măng khô trộn sẵn không co - GPS GROUT P M60 (vữa bơm trộn sẵn gốc xi măng)	kg	TCVN 9204:2012	25kg/bao	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 25kg	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		11.200
14	Vật liệu khác	Vữa xi măng khô trộn sẵn không co - GPS GROUT TSP M60 (vữa tự san phẳng)	kg	TCVN 9204:2012	25kg/bao	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 25kg	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		11.700
15	Vật liệu khác	Vật liệu chống thấm gốc xi măng - Polymer - GPS TOP COAT	kg	BS EN 14891: 2017	Bộ 30kg: 20kg/bao, 10kg/can	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 30kg	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		38.000
16	Vật liệu khác	Vật liệu chống thấm gốc xi măng - Polymer - GPS COAT 12	kg	BS EN 14891: 2017	Bộ 25kg: 20kg/bao, 5kg/can	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 25kg	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		29.000
17	Vật liệu khác	Màng nhũ tương chống thấm đàn hồi - GPS ® Membrane	kg	TCVN 2099:2007 TCVN 2097:2015 TCVN 6557:2000	10kg, 20kg/ thùng 200kg/ phuy	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 20kg	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		38.400
18	Vật liệu khác	Băng cản nước PVC xử lý mạch ngừng bê tông - GPS ® Waterstop V150	m	TCVN 9407:2014 ASTM D412 ASTM D2240	20m/ cuộn	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 20m	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		79.000

Trường hợp phân chia khu vực nội thành và ngoại thành, đề nghị thể hiện rõ bao gồm các quận / huyện / thành phố nào trong khu vực

9668
ĐNG T
HIỆM
GP
ĐT
ƯC

19	Vật liệu khác	Băng cản nước PVC xử lý mạch ngừng bê tông - GPS ® Waterstop O150	m	TCVN 9407:2014 ASTM D412 ASTM D2240	20m/ cuộn	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 20m	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	85.000
20	Vật liệu khác	Băng cản nước PVC xử lý mạch ngừng bê tông - GPS ® Waterstop V200	m	TCVN 9407:2014 ASTM D412 ASTM D2240	20m/ cuộn	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 20m	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	115.000
21	Vật liệu khác	Băng cản nước PVC xử lý mạch ngừng bê tông - GPS ® Waterstop O200	m	TCVN 9407:2014 ASTM D412 ASTM D2240	20m/ cuộn	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 20m	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	131.000
22	Vật liệu khác	Băng cản nước PVC xử lý mạch ngừng bê tông - GPS ® Waterstop BO200	m	TCVN 9407:2014 ASTM D412 ASTM D2240	20m/ cuộn	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 20m	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	132.000
23	Vật liệu khác	Băng cản nước PVC xử lý mạch ngừng bê tông - GPS ® Waterstop V250	m	TCVN 9407:2014 ASTM D412 ASTM D2240	20m/ cuộn	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 20m	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	143.000
24	Vật liệu khác	Băng cản nước PVC xử lý mạch ngừng bê tông - GPS ® Waterstop O250	m	TCVN 9407:2014 ASTM D412 ASTM D2240	20m/ cuộn	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 20m	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	157.000
25	Vật liệu khác	Băng cản nước PVC xử lý mạch ngừng bê tông - GPS ® Waterstop BO250	m	TCVN 9407:2014 ASTM D412 ASTM D2240	20m/ cuộn	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 20m	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	158.000
26	Vật liệu khác	Băng cản nước PVC xử lý mạch ngừng bê tông - GPS ® Waterstop V300	m	TCVN 9407:2014 ASTM D412 ASTM D2240	20m/ cuộn	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 20m	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	166.000
27	Vật liệu khác	Băng cản nước PVC xử lý mạch ngừng bê tông - GPS ® Waterstop O300	m	TCVN 9407:2014 ASTM D412 ASTM D2240	20m/ cuộn	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 20m	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	176.000
28	Vật liệu khác	Băng cản nước PVC xử lý mạch ngừng bê tông - GPS ® Waterstop V320	m	TCVN 9407:2014 ASTM D412 ASTM D2240	20m/ cuộn	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 20m	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	205.000

¹ Trường hợp phân chia khu vực nội thành và ngoại thành, đề nghị thể hiện rõ bao gồm các quận / huyện / thành phố nào trong khu vực

29	Vật liệu khác	Băng cản nước PVC xử lý mạch ngừng bê tông - GPS ® Waterstop O320	m	TCVN 9407:2014 ASTM D412 ASTM D2240	20m/ cuộn	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 20m	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		196.000
30	Vật liệu khác	Vật liệu chống thấm gốc xi măng - Polymer - GPS COAT 12N	kg	BS EN 14891: 2017	Bộ 28kg: 20kg/bao, 8kg/can	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 28kg	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		38.000
31	Vật liệu khác	Vật liệu chống thấm gốc xi măng - Polymer - GPS SEALCOAT	kg	BS EN 14891: 2017	Bộ 25kg: 15kg/bao, 10kg/can	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 25kg	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		56.000
32	Vật liệu khác	Vật liệu chống thấm gốc xi măng - Polymer - GPS MASTERCOAT	kg	BS EN 14891: 2017	Bộ 24kg: 14kg/bao, 10kg/can	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 24kg	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		60.800
33	Vật liệu khác	Màng nhũ tương chống thấm đàn hồi cao cấp - GPS ® MEMTOP 01	kg	ASTM D412 ASTM D7234 TCVN 6557:2000	10kg, 20kg/ thùng	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 10kg	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		75.200
34	Vật liệu khác	Nhũ tương chống thấm một thành phần gốc bitum biến tính cao cấp - GPS ® MEMTOP 02	kg	ASTM D412 ASTM D7234 TCVN 6557:2000	10kg, 20kg/ thùng	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 10kg	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		78.500
35	Vật liệu khác	Phụ gia chống thấm và tác nhân kết nối - GPS ® Latex	lít	TCVN 8826:2011	5 lít, 10 lít, 25 lít/can, 200 lít/phuy	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 5 lít	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		75.000
36	Vật liệu khác	Phụ gia chống thấm và tác nhân kết nối - GPS ® Latex TH	lít	TCVN 8826:2011	5 lít, 10 lít, 25 lít/can, 200 lít/phuy	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 5 lít	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		52.500
37	Vật liệu khác	Matit chèn khe và vết nứt - GPS® MAFILL 2000	kg	ASTM D36 ASTM D70 ASTM D1190	18kg/thùng	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 18kg	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		93.000
38	Vật liệu khác	Thanh trương nở - GPS® LINESTOP 2015	md	ASTM D71-94 ASTM D471-16	5md/cuộn, 7 cuộn/thùng	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 5md	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		67.500

Trường hợp phân chia khu vực nội thành và ngoại thành, đề nghị thể hiện rõ bao gồm các quận / huyện / thành phố nào trong khu vực

39	Vật liệu khác	Thanh cao su trương nở GPS® HYDROPHILIC 2015	md	ASTM D412 ASTM D2240 ASTM D471-16	5md/cuộn, 7 cuộn/thùng	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 5md	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	115.000
40	Vật liệu khác	Màng chống thấm tự đính gốc bitum dày 1.5mm - GPS® Erostick 1.5mm	m2	BS EN 1848 - 1 EN 12311-1 EN 12310-1 EN 12317-1	20m2/ cuộn	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 20m2	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	142.500
41	Vật liệu khác	Màng chống thấm khô nóng gốc bitum dày 3mm - GPS® Erostick 3mm	m2	BS EN 1848 - 1 EN 12311-1 EN 12310-1 EN 1928	10m2/ cuộn	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 10m2	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	115.500
42	Vật liệu khác	Màng chống thấm HDPE bám dính ngược toàn phần - GPS® Pro proof 1.2T	m2	ASTM D3776 ASTM D412 ASTM E154 ASTM D1970 ASTM D903 ASTM D1876 ASTM D5385	20m2/ cuộn	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 20m2	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	275.000
43	Vật liệu khác	Màng chống thấm TPO cho nền và tường tầng hầm - GPS® Floor TPO	m2	ASTM D412 ASTM E154 ASTM D903 ASTM D1876 ASTM D5385	20m2/ cuộn	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 20m2	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	302.500
44	Vật liệu khác	Chống thấm gốc polyurethane một thành phần - GPS® Polyurethane MD	kg	ASTM D412 ASTM D2240 ASTM D7234 BS EN 14891 : 2017	25kg/thùng	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 25kg	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	103.500
45	Vật liệu khác	Lớp lót chống thấm gốc Polyurethane - GPS® Primer PU	kg	TCVN 8826:2011 ASTM D4541-17	16kg/thùng	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 16kg	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	187.500
46	Vật liệu khác	Chống thấm gốc Epoxy 2 TP chống ăn mòn - GPS® Epotar FN	lít	ASTM D4541-17 TCVN 2100-2: 2013	16 lít/ bộ	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 16lít	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	315.000
47	Vật liệu khác	Lớp lót chống thấm gốc Epoxy - GPS® EP- Primer	lít	ASTM D4541-17	16 lít/ bộ	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 16lít	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	184.500

¹ Trường hợp phân chia khu vực nội thành và ngoại thành, đề nghị thể hiện rõ bao gồm các quận / huyện / thành phố nào trong khu vực

48	Vật liệu khác	Sơn phủ Epoxy hệ lăn - GPS® EP Coating	kg	ASTM D4541-17 ASTM D4060-10 TCVN 9014 : 2011	25kg/bộ	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 25kg	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		198.000
49	Vật liệu khác	Sơn phủ Epoxy hệ tự san phẳng - GPS® EP Lining	kg	ASTM D7234 ASTM D4060-10 TCVN 7952-9 TCVN 9014	25kg/bộ	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 25kg	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		207.000
50	Vật liệu khác	Sơn lót Epoxy - GPS® EP Primer FL	kg	ASTM D4541-17	20kg/bộ	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 20kg	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		202.500
51	Vật liệu khác	Chất trám khe một thành phần gốc polyurethan - GPS® Sealant 889	tuýp	ASTM D792-13 ASTM D2240 ASTM D412 ASTM D5893	600ml/tuýp	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 1 tuýp	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		162.000
52	Vật liệu khác	Chất trám khe một thành phần gốc polyurethan cao cấp - GPS® Sealant 888	tuýp	ASTM D792-13 ASTM D2240 ASTM D412 ASTM D5893	600ml/tuýp	Công ty TNHH GPS Việt Nam	Việt Nam	Khối lượng mua từ 1 tuýp	- Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình		247.500

- Công ty TNHH GPS Việt Nam cam kết về các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá Liên Sở Xây dựng - Tài chính đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng, nguồn gốc xuất xứ, khả năng và phạm vi cung ứng vật liệu, phù hợp với giá thị trường tại thời điểm đề nghị, khách quan, minh bạch, đảm bảo kinh tế, cạnh tranh, tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả, không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng; Chất lượng sản phẩm hàng hoá đảm bảo theo quy định Luật chất lượng sản phẩm, hàng hoá và Luật quy chuẩn và tiêu chuẩn; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực pháp luật về giá, pháp luật về cạnh tranh và pháp luật về lĩnh vực có liên quan, đặc biệt hiểu rõ nghĩa vụ của tổ chức, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh theo quy định tại Điều 7, Điều 9 Luật Giá số 16/2023/QH15 và cam kết chấp hành nghiêm pháp luật về giá và quy định pháp luật có liên quan.

- Công ty TNHH GPS Việt Nam xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết./.

Nơi nhận:

- Liên sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Bắc Ninh;
- Lưu: VP



GIÁM ĐỐC

Bùi Đức Hiếu

¹ Trường hợp phân chia khu vực nội thành và ngoại thành, đề nghị thể hiện rõ bao gồm các quận / huyện / thành phố nào trong khu vực

**CÔNG TY TNHH MTV
TOÀN YẾN BẮC GIANG**

Số: 04

V/v: đăng ký niêm yết giá tại
công bố giá VLXD liên Sở
Xây dựng – Tài chính Bắc
Ninh Quý III/ 2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bắc Ninh, ngày 20 tháng 05 năm 2026

SỞ XÂY DỰNG BẮC NINH	
ĐẾN	Số:.....
	Ngày: 22/6/26
Chuyển:.....	
Số và ký hiệu HS:.....	

Kính gửi: - Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh
- Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh

Thực hiện theo văn bản số 367/SXD – KTKH ngày 24/7/2025 của Sở Xây dựng về đăng ký niêm yết giá vào Công bố giá VLXD liên sở Xây dựng – Tài chính tỉnh Bắc Ninh.

Công ty TNHH MTV Toàn Yến Bắc Giang, đề nghị Liên Sở xây dựng-Tài chính tỉnh Bắc Ninh Công bố giá sản phẩm do Công ty chúng tôi kinh doanh vào Bảng công bố giá VLXD Liên Sở xây dựng – Tài chính tỉnh Bắc Ninh, kèm theo tài liệu như sau :

1. Bảng giá sản phẩm, hàng hóa của Công ty TNHH MTV Toàn Yến Bắc Giang kèm theo áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có Bảng niêm yết giá mới.

2. Hồ sơ chất lượng:

- Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy số 422/ B-SXD ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Sở Xây dựng UBND Tỉnh Lạng Sơn , có giá trị đến ngày 27 tháng 5 năm 2026 đối với sản phẩm xi măng Póoc lăng hỗn hợp PCB30, PCB40, PCB50 của Công ty Cổ phần xi măng Đồng Bành.

- Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy số 3051/ TB- SXD ngày 30/10/2024 của Sở Xây dựng UBND Tỉnh Hà Nam , có giá trị đến ngày 05 tháng 10 năm 2027 đối với sản phẩm xi măng Póoc lăng hỗn hợp PCB40, PCB30 của Công ty Cổ Phần xi măng Hoàng Long.

- Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy số 7861/ SXD- VLXD ngày 18/10/2024 của Sở Xây dựng UBND Tỉnh Thanh Hóa, có giá trị đến ngày 17/6/2027 đối với sản phẩm xi măng Póoc lăng hỗn hợp PCB40, PCB30 của Công ty Cổ Phần xi măng Bỉm Sơn.

- Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy số Quyết định về việc cấp Giấy chứng nhận phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số 827/QĐ – QUACERT kể từ ngày 19/02/2025 đến 18/02/2028 cho sản phẩm xi măng Póc lăng hỗn hợp PCB40, PCB30 của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Xuân Khiêm – Nhà máy xi măng Xuân Sơn.

- Giấy đăng ký kinh doanh số : 2400615756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 27 tháng 07 năm 2012 đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 16 tháng 03 năm 2023 .

3. Thông tin khác :

Địa chỉ công ty : Phố Bằng – Xã Tiên Lục – Tỉnh Bắc Ninh

Email:ximangtoanyen@gmail.com

Người đại diện lãnh đạo Công ty :Nguyễn Văn Toàn – Chức vụ : Giám đốc

Số điện thoại : 0966781898

Người chịu trách nhiệm báo giá : Lê Thị Hường . Số đt : 0369479791

Công ty TNHH MTV Toàn Yên Bắc Giang cam kết về các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá Liên Sở xây dựng – Tài chính đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng, nguồn gốc xuất xứ, khả năng và phạm vi cung ứng vật liệu, phù hợp với giá trị thị trường tại thời điểm đề nghị, khách quan, minh bạch, đảm bảo kinh tế, cạnh tranh, tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả , không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng; Chất lượng sản phẩm hàng hóa đảm bảo theo quy định Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Luật quy chuẩn và tiêu chuẩn; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực pháp luật về giá, pháp luật về cạnh tranh và pháp luật về lĩnh vực có liên quan, đặc biệt hiểu rõ nghĩa vụ của tổ chức, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh theo quy định tại Điều 7, Điều 9 Luật Giá số 16/2023/ QH15 và cam kết chấp hành nghiêm pháp luật về giá và quy định pháp luật liên quan.

Công ty TNHH MTV Toàn Yên Bắc Giang xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã cung cấp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

LÃNH ĐẠO CÔNG TY

(Ký tên, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
NGUYỄN VĂN TOÀN

BẢNG GIÁ BÁN SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VẬT LIỆU XÂY DỰNG

(Kèm theo văn bản số 04 ngày 20 tháng 05 năm 2026 của Công ty TNHH MTV Toàn Yến Bắc Giang

Áp dụng từ ngày 01/07/2026 đến khi có bảng báo giá mới)

1. Bảng giá bán sản phẩm, hàng hóa: Giá bán tại Công ty TNHH MTV Toàn Yến - Phường Bắc Giang - Tỉnh Bắc Ninh

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/ loại vật liệu *	Đơn vị *	Tiêu chuẩn kỹ thuật *	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Đơn giá chưa có thuế VAT (đồng)
1	Xi măng	Xi măng Vicem Bim sơn PCB40	Kg	TCVN6260:2020		Công ty Cổ phần xi măng Bim sơn	Việt Nam	Không chiết khấu	Không rõ thông tin	1,630
2	Xi măng	Xi măng Vicem Bim sơn PCB30	Kg	TCVN6260:2020		Công ty Cổ phần xi măng Bim sơn	Việt Nam	Không chiết khấu	Không rõ thông tin	1,560
3	Xi măng	Xi măng TheVissai PCB40	Kg	TCVN6260:2020		Công ty CP xi măng Đồng Bành	Việt Nam	Không chiết khấu	Không rõ thông tin	1,570
4	Xi măng	Xi măng TheVissai PCB30	Kg	TCVN6260:2020		Công ty CP xi măng Đồng Bành	Việt Nam	Không chiết khấu	Không rõ thông tin	1,500
5	Xi măng	Xi măng TheVissai MC25	Kg	TCVN6260:2020		Công ty CP xi măng Đồng Bành	Việt Nam	Không chiết khấu	Không rõ thông tin	1,270
6	Xi măng	Xi măng Hoàng Long PCB40	kg	TCVN6260:2020		Công ty CP xi măng Hoàng Long	Việt Nam	Không chiết khấu	Không rõ thông tin	1,510
7	Xi măng	Xi măng Hoàng Long PCB30	kg	TCVN6260:2020		Công ty CP xi măng Hoàng Long	Việt Nam	Không chiết khấu	Không rõ thông tin	1,410
8	Xi măng	Xi măng Xuân Sơn PCB40	Kg	TCVN6260:2020		Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Xuân Khiêm	Việt Nam	Không chiết khấu	Không rõ thông tin	1,530

9	Xi măng	Xi măng Xuân Sơn PCB30	Kg	TCVN6260:2 020		Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Xuân Khiêm	Việt Nam	Không chiết khẩu	Không rõ thông tin	1,460
---	---------	---------------------------	----	-------------------	--	--	----------	---------------------	-----------------------	-------

2. Công ty TNHH MTV Toàn Yên Bắc Giang cam kết về các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố Sở Xây dựng- Tài chính đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng, nguồn gốc xuất xứ, khả năng và phạm vi cung ứng vật liệu, phù hợp với giá thị trường tại thời điểm đề nghị, khách quan, minh bạch, đảm bảo kinh tế, cạnh tranh, tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả, không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng; Chất lượng sản phẩm hàng hóa đảm bảo theo quy định Luật chất lượng sản phẩm, hàng 2023/ QH15 và cam kết chấp hành nghiêm pháp luật về giá và quy định pháp luật có liên quan biệt hiểu rõ nghĩa vị của tổ chức, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh theo quy định tại Điều 7, Điều 9 Luật Giá số 16/các hành vi bị cấm trong lĩnh vực pháp luật về giá, pháp luật về cạnh tranh và pháp luật về lĩnh vực có liên quan, đặc hóa và Luật quy chuẩn và tiêu chuẩn; đã hiểu rõ

Công ty TNHH MTV Toàn Yên Bắc Giang xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, niêm yết.

Nơi nhận :

Sở Xây dựng Bắc Ninh;
Sở Tài chính Bắc Ninh;
Lưu.

LÃNH ĐẠO CÔNG TY

(ký tên và đóng dấu)



CÔNG TY TNHH TNC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 01 tháng 06 năm 2026

Số: 03/BG-TNC

V/v đăng ký niêm yết giá tại Công bố
giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính
Bắc Ninh tháng 6/2026 (Quý III/2026).

SỞ XÂY DỰNG BẮC NINH

Số:.....
ĐẾN Ngày: 29/6/26
Chuyên:.....
Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi:

- Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh;
- Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh.

Thực hiện theo Văn bản số 367/SXD-KTKH ngày 24/7/2025 của Sở Xây dựng về đăng ký niêm yết giá vào Công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Bắc Ninh.

Công ty TNHH TNC, đề nghị Liên Sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Bắc Ninh Công bố giá sản phẩm xi măng do Công ty chúng tôi sản xuất, kinh doanh vào Bảng công bố giá VLXD Liên Sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Bắc Ninh, kèm theo tài liệu như sau:

1. Bảng giá sản phẩm, hàng hóa của Công ty TNHH TNC kèm theo áp dụng từ ngày 01/06/2026 đến khi có Bảng niêm yết giá mới.

2. Hồ sơ chất lượng:

- Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy số 1544/TB-SXD ngày 26/6/2023 của Sở Xây dựng Hà Nam có giá trị đến ngày 10/6/2026, cho sản phẩm Xi măng của Công ty cổ phần xi măng VICEM Bút Sơn.

- Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy số 855/TB-SXD ngày 13/4/2023 của Sở Xây dựng Hà Nam có giá trị đến ngày 17/12/2025, cho sản phẩm Xi măng của Công ty cổ phần xi măng Thành Thắng Group.

- Giấy đăng ký kinh doanh số 2300298479, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 04/4/2007, cấp điều chỉnh lần 12, ngày 25/12/2025.

3. Thông tin khác:

Địa chỉ công ty: Lô 21B, đường Bình Than, phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh

Số điện thoại:.....; Email: Viethatnc@gmail.com

Người đại diện lãnh đạo Công ty: Lê Việt Hà

chức vụ: Giám đốc

Số điện thoại: 0936494338

Người chịu trách nhiệm báo giá: Nguyễn Yên Chi

số điện thoại: 0353296886

Công ty TNHH TNC cam kết về các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá Liên Sở Xây dựng - Tài chính đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng, nguồn gốc xuất xứ, khả năng và phạm vi cung ứng vật liệu, phù hợp với giá thị trường tại thời điểm đề nghị, khách quan, minh bạch, đảm bảo kinh tế, cạnh tranh, tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả, không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng; Chất lượng sản phẩm hàng hoá đảm bảo theo quy định Luật chất lượng sản phẩm, hàng hoá và Luật quy chuẩn và tiêu chuẩn; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực pháp luật về giá, pháp luật về cạnh tranh và pháp luật về lĩnh vực có liên quan, đặc biệt hiểu rõ nghĩa vụ của tổ chức, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh theo quy định tại Điều 7, Điều 9 Luật Giá số 16/2023/QH15 và cam kết chấp hành nghiêm pháp luật về giá và quy định pháp luật có liên quan.

Công ty TNHH TNC xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký và niêm yết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



LÃNH ĐẠO CÔNG TY

(Ký tên và đóng dấu)

[Signature]
GIÁM ĐỐC
Lê Việt Hà

CÔNG TY TNHH TNC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 01 tháng 06 năm 2026

BẢNG GIÁ BÁN SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VẬT LIỆU XÂY DỰNG*(Kèm theo văn bản số: 01/BG-TNC ngày 01/06/2026 của Công ty TNHH TNC,
Áp dụng từ ngày 01/06/2026 (Quý I/2025) đến khi có bảng báo giá mới)*

1. Bảng giá bán sản phẩm, hàng hoá: Giá bán tại Công ty TNHH TNC có địa chỉ Lô 21B, đường Bình Than, phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh

STT	Nhóm vật liệu *	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị *	Tiêu chuẩn kỹ thuật *	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Đơn giá chưa có thuế VAT (đồng)
1	Xi măng	VICEM Bút Sơn bao PCB 30	Kg	QCVN16: 2023/BXD	Đóng bao	Công ty CP xi măng VICEM Bút Sơn.	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh bắc ninh		1.630.000
2	Xi măng	VICEM Bút Sơn bao PCB 40	Kg	QCVN16: 2023/BXD	Đóng bao	Công ty CP xi măng VICEM Bút Sơn.	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh bắc ninh		1.650.000
3	Xi măng	VICEM Bút Sơn bao MC25/C91	Kg	QCVN16: 2023/BXD	Đóng bao	Công ty CP xi măng VICEM Bút Sơn.	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh bắc ninh		1.290.000
4	Xi măng	VICEM Bút Sơn rời PCB 40	Kg	QCVN16: 2023/BXD	Rời	Công ty CP xi măng VICEM Bút Sơn.	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn		1.230.000



									tỉnh bắc ninh		
5	Xi măng	VICEM Bút Sơn PCB 30 xanh đa dụng	Kg	QCVN16: 2023/BXD	Đóng bao	Công ty CP xi măng VICEM Bút Sơn.	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh bắc ninh		1.280.000
6	Xi măng	VICEM Bút Sơn PCB 40 xanh đa dụng	Kg	QCVN16: 2023/BXD	Đóng bao	Công ty CP xi măng VICEM Bút Sơn.	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh bắc ninh		1.330.000
7	Xi măng	Thành Thắng PCB 30	Kg	QCVN16: 2023/BXD	Đóng bao	Công ty CP xi măng Thành Thắng Group.	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh bắc ninh		1.180.000
8	Xi măng	Thành Thắng PCB 40	Kg	QCVN16: 2023/BXD	Đóng bao	Công ty CP xi măng Thành Thắng Group.	Việt Nam	Không	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh bắc ninh		1.330.000



2. Công ty TNHH TNC cam kết về các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá Liên Sở Xây dựng - Tài chính đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng, nguồn gốc xuất xứ, khả năng và phạm vi cung ứng vật liệu, phù hợp với giá thị trường tại thời điểm đề nghị, khách quan, minh bạch, đảm bảo kinh tế, cạnh tranh, tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả, không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng; Chất lượng sản phẩm hàng hoá đảm bảo theo quy định Luật chất lượng sản phẩm, hàng hoá và Luật quy chuẩn và tiêu chuẩn; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực pháp luật về giá, pháp luật về cạnh tranh và pháp luật về lĩnh vực có liên quan, đặc biệt hiểu rõ nghĩa vụ của tổ chức, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh theo quy định tại Điều 7, Điều 9 Luật Giá số 16/2023/QH15 và cam kết chấp hành nghiêm pháp luật về giá và quy định pháp luật có liên quan.

Công ty TNHH TNC xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng Bắc Ninh;
- Sở Tài chính Bắc Ninh;
- Lưu.



PHỤ LỤC VI
MẪU VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ
(Kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ)

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY XI MĂNG VICEM HOÀNG THẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 1803 /XMHT-XNTT
V.V. Kê khai giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước

SỞ XÂY DỰNG BẮC NINH

ĐẾN Số:.....
Ngày: 27/5/26
Chuyên:.....
Số và ký hiệu HS:.....

Hải Phòng, ngày 25 tháng 05 năm 2026

Kính gửi: - Sở Xây Dựng- Tỉnh Bắc Ninh.

Thực hiện quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Căn cứ theo nội dung Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, tại Mục 4, chương II có hướng dẫn về sự thay đổi về thẩm quyền tiếp nhận kê khai giá tại phụ lục V đã ban hành kèm theo Nghị định.

Công ty xi măng Vicem Hoàng Thạch gửi Bảng kê khai mức giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước (đính kèm).

Mức giá kê khai từ ngày 25/5/2026.

Công ty xi măng Vicem Hoàng Thạch xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: XNTT;VP.

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC

P. TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hải Minh



Hải Phòng, ngày 25 tháng 05 năm 2026

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số 1803 ngày 25 tháng 5 năm 2026 của XNTT Công ty xi măng Vicem Hoàng Thạch về việc kê khai giá hàng hóa dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu)

1. Mức giá kê khai bán trong nước:

TT	Địa bàn tiêu thụ, chủng loại sản phẩm	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá: bán buôn	Giá bán kê khai tại văn bản số gửi Sở Xây Dựng tỉnh Bắc Ninh	Giá kê khai ngày 25/5/2026	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá Ngày 25/5/2026	Mức tăng/giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
I	Xi măng bao PCB30 HT (SX tại nhà máy xi măng Hoàng Thạch)	TCVN 6260 : 2009	Đồng /tấn							
1	Địa bàn Bắc Ninh (gồm các huyện, TP Bắc Ninh, Từ Sơn, Yên Phong, Thuận Thành, Quê Võ, Tiên Du, Gia Bình, Lương Tài - tỉnh Bắc Ninh cũ)					1.343.333				
2	Địa Bàn Bắc Ninh (gồm: Sơn Động, Lục Nam, Lục Ngạn, Yên Dũng, Việt Yên thuộc Bắc Giang cũ)					1.343.333				
3	Địa bàn Bắc Ninh (gồm các huyện, TP Bắc Giang, Hiệp Hoà, Yên Thế, Lạng Giang, Tân Yên cũ)					1.293.333				
II	Xi măng bao PCB40 HT (SX tại nhà máy xi măng Hoàng Thạch)	TCVN 6260 : 2009	Đồng /tấn			-				
1	Địa bàn Bắc Ninh (gồm các huyện, TP Bắc Ninh, Từ Sơn, Yên Phong, Thuận Thành, Quê Võ, Tiên Du, Gia Bình, Lương Tài -tỉnh Bắc Ninh cũ)					1.361.333				
2	Địa Bàn Bắc Ninh (gồm: Sơn Động, Lục Nam, Lục Ngạn, Yên Dũng, Việt Yên - tỉnh Bắc Giang cũ)					1.361.333				
3	Địa bàn Bắc Ninh (gồm các huyện, TP Bắc Giang, Hiệp Hoà, Yên Thế, Lạng Giang, Tân Yên - tỉnh Bắc Giang cũ)					1.311.333				
III	Xi măng bao PCB30 Lion King Cement (SX tại nhà máy xi măng Hoàng Thạch)	TCVN 6260 : 2009	Đồng /tấn							
1	Địa bàn Bắc Ninh (gồm các huyện, TP Bắc Ninh, Từ Sơn, Yên Phong, Thuận Thành,					1.222.444				

TT	Địa bàn tiêu thụ, chủng loại sản phẩm	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá: bán buôn	Giá bán kê khai tại văn bản số gửi Sở Xây Dựng tỉnh Bắc Ninh	Giá kê khai ngày 25/5/2026	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá Ngày 25/5/2026	Mức tăng/giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liền kề	Ghi chú
	Quế Võ, Tiên Du, Gia Bình, Lương Tài -tỉnh Bắc Ninh cũ)									
2	Địa bàn Bắc Ninh (gồm TP Bắc Giang, Tân Yên, Hiệp Hoà, Yên Thế, Lạng Giang - tỉnh Bắc Giang cũ)					1.194.667				
3	Địa bàn Bắc Ninh (gồm Huyện Sơn Động Việt Yên, Yên Dũng, Lục Nam, Lục Ngạn - tỉnh Bắc Giang cũ)					1.222.444				
IV	Xi măng bao PCB40 Lion King Cement (SX tại nhà máy xi măng Hoàng Thạch)	TCVN 6260 : 2009	Đồng /tấn							
1	Địa bàn Bắc Ninh (gồm các huyện, TP Bắc Ninh, Từ Sơn, Yên Phong, Thuận Thành, Quế Võ, Tiên Du, Gia Bình, Lương Tài - tỉnh Bắc Ninh cũ)					1.240.963				
2	Địa bàn Bắc Ninh (gồm TP Bắc Giang, Tân Yên, Hiệp Hoà, Yên Thế, Lạng Giang - tỉnh Bắc Giang cũ)					1.213.185				
3	Địa bàn Bắc Ninh (gồm Huyện Sơn Động Việt Yên, Yên Dũng, Lục Nam, Lục Ngạn -tỉnh Bắc Giang cũ)					1.240.963				
V	Xi măng bao PCB30 đa dụng (SX tại nhà máy xi măng Hoàng Thạch)									
1	Địa bàn Bắc Ninh (gồm các huyện, TP Bắc Ninh, Từ Sơn, Yên Phong, Thuận Thành, Quế Võ, Tiên Du, Gia Bình, Lương Tài tỉnh Bắc Ninh cũ)					1.268.519				
2	Địa bàn: Bắc Ninh (gồm TP Bắc Giang, Tân Yên, Hiệp Hoà, Yên Thế, Lạng Giang, Sơn Động, Việt Yên -tỉnh Bắc Giang cũ)					1.222.222				
3	Địa bàn: Bắc Ninh (gồm Yên Dũng, Lục Nam, Lục Ngạn - tỉnh Bắc Giang cũ)					1.263.889				

2. Giá trên là giá giao trên phương tiện bên mua tại máng xuất/kho của Công ty xi măng Vicem Hoàng Thạch. Mức giá trên chưa bao gồm thuế GTGT 8%.

3. Mức giá bán hiện hành trên Công ty xi măng Vicem Hoàng Thạch áp dụng từ ngày 25/5/2026.

**CN CÔNG TY TNHH LONG
SON TẠI THANH HÓA
NHÀ MÁY XI MĂNG LONG
SON**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hóa, ngày 21 tháng 7 năm 2026

Số: T7.16/TB-XMLS/2026

V/v: Đăng ký niêm yết giá tại Công bố
giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính
Bắc Ninh tháng 7/2026.

SỞ XÂY DỰNG BẮC NINH

ĐẾN Số:.....
Ngày: 21/7/26
Chuyên:.....
Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi:

- Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh;
- Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh.

Thực hiện theo Văn bản số 367/SXD-KTKH ngày 24/7/2025 của Sở Xây dựng về đăng ký
niêm yết giá vào Công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Bắc Ninh.

Chi nhánh Công ty TNHH Long Sơn tại Thanh Hóa - Nhà máy Xi măng Long Sơn, đề
nghị Liên Sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Bắc Ninh Công bố giá sản phẩm do Công ty
chúng tôi sản xuất, kinh doanh vào Bảng công bố giá VLXD Liên Sở Xây dựng - Tài
chính tỉnh Bắc Ninh, kèm theo tài liệu như sau:

1. Bảng giá sản phẩm, hàng hóa của Chi nhánh Công ty TNHH Long Sơn tại Thanh Hóa
- Nhà máy xi măng Long Sơn kèm theo áp dụng từ
ngày 01/7/2026 (Quý III/2026) đến khi có Bảng niêm yết giá mới.

2. Hồ sơ chất lượng:

- Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy số 09/2025/CB-XMLS ngày
25/09/2025 của Sở xây dựng tỉnh Thanh Hóa có giá trị đến ngày 22 tháng 09 năm 2028
- Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn cơ sở số 6015/QĐ-QUACERT
do Ủy ban tiêu chuẩn đo lường chất lượng quốc gia – Trung tâm chứng nhận phù hợp
(Quacert) cấp ngày 16/09/2025 có giá trị đến ngày 22/09/2028
- Giấy đăng ký kinh doanh do Sở tài chính tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày
07/09/2016, cấp điều chỉnh lần 3, ngày 07/08/2025

3. Thông tin khác:

Địa chỉ công ty: Tổ dân phố Trường Sơn, phường Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Số điện thoại: 023.789.79789; Email: phongkinhdoanh@longsoncement.com.vn
Người đại diện lãnh đạo Cty: **Lê Tiến Dũng**

Chức vụ: Giám đốc kinh doanh

Số điện thoại: 0904.889.535

Người chịu trách nhiệm báo giá: **Đinh Quang Quý**

Số điện thoại: 09166.222.82

Email: quydq.longsoncement@gmail.com

Chi nhánh Công ty TNHH Long Sơn tại Thanh Hóa - Nhà máy Xi măng Long Sơn cam kết về
các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá Liên Sở Xây dựng - Tài chính đảm bảo các tiêu chuẩn
chất lượng, nguồn gốc xuất xứ, khả năng và phạm vi cung ứng vật liệu, phù hợp với giá thị trường
tại thời điểm đề nghị, khách quan, minh bạch, đảm bảo kinh tế, cạnh tranh, tiết kiệm, đảm bảo hiệu
quả, không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa
tương ứng; Chất lượng sản phẩm hàng hoá đảm bảo theo quy định Luật chất lượng sản phẩm, hàng
hoá và Luật quy chuẩn và tiêu chuẩn; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực pháp luật về giá,
pháp luật về cạnh tranh và pháp luật về lĩnh vực có liên quan, đặc biệt hiểu rõ nghĩa vụ của tổ chức,
doanh nghiệp sản xuất kinh doanh theo quy định tại Điều 7, Điều 9 Luật Giá số 16/2023/QH15 và
cam kết chấp hành nghiêm pháp luật về giá và quy định pháp luật có liên quan.



Chân

Chi nhánh Công ty TNHH Long Sơn tại Thanh Hóa - Nhà máy Xi măng Long Sơn xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng, tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, niêm yết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

LÃNH ĐẠO CÔNG TY

(Ký tên và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC KINH DOANH

Lê Tiến Dũng



BẢNG GIÁ BÁN SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VẬT LIỆU XÂY DỰNG

(Kèm theo văn bản số: T7.16/TB-XMLS/2026 ngày 21/7/2026 của Chi nhánh Công ty TNHH Long Sơn tại Thanh Hóa - Nhà máy Xi măng Long Sơn,
Áp dụng từ ngày 01/7/2026 (Quý III/2026) đến khi có bảng báo giá mới)

1. Bảng giá bán sản phẩm, hàng hoá:

STT	Nhóm vật liệu *	Tên vật liệu/loại vật liệu *	Đơn vị *	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Đơn giá chưa có thuế VAT (đồng)
1	Xi măng	Xi măng bao Long Sơn PCB30	Tấn	TCVN 6260:2009	Đóng bao 50kg	Công ty Xi măng Long Sơn	Việt Nam	Không	Giá bán giao trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại địa chỉ: TDP Trường Sơn, P. Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa		1.305.000
2	Xi măng	Xi măng bao Long Sơn PCB40	Tấn	TCVN 6260:2020	Đóng bao 50kg	Công ty Xi măng Long Sơn	Việt Nam	Không			1.370.000
3	Xi măng	Xi măng bao Tam Sơn PCB30	Tấn	TCVN 6260:2009	Đóng bao 50kg	Công ty Xi măng Long Sơn	Việt Nam	Không			1.278.000
4	Xi măng	Xi măng bao Tam Sơn PCB40	Tấn	TCVN 6260:2020	Đóng bao 50kg	Công ty Xi măng Long Sơn	Việt Nam	Không			1.342.000



5	Xi măng	Xi măng bao Hà Trung PCB30	Tấn	TCVN 6260:2009	Đóng bao 50kg	Công ty Xi măng Long Sơn	Việt Nam	Không		1.232.000
6	Xi măng	Xi măng bao Hà Trung PCB40	Tấn	TCVN 6260:2020	Đóng bao 50kg	Công ty Xi măng Long Sơn	Việt Nam	Không		1.296.000
7	Xi măng	Xi măng bao Sông Mã PCB30	Tấn	TCVN 6260:2009	Đóng bao 50kg	Công ty Xi măng Long Sơn	Việt Nam	Không		1.232.000
8	Xi măng	Xi măng bao Sông Mã PCB40	Tấn	TCVN 6260:2020	Đóng bao 50kg	Công ty Xi măng Long Sơn	Việt Nam	Không		1.296.000
9	Xi măng	Xi măng bao Thành Sơn PCB30	Tấn	TCVN 6260:2009	Đóng bao 50kg	Công ty Xi măng Long Sơn	Việt Nam	Không		1.186.000
10	Xi măng	Xi măng bao Thành Sơn PCB40	Tấn	TCVN 6260:2020	Đóng bao 50kg	Công ty Xi măng Long Sơn	Việt Nam	Không		1.250.000



2. Chi nhánh Công ty TNHH Long Sơn tại Thanh Hóa - Nhà máy Xi măng Long Sơn cam kết về các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá Liên Sở Xây dựng - Tài chính đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng, nguồn gốc xuất xứ, khả năng và phạm vi cung ứng vật liệu, phù hợp với giá thị trường tại thời điểm đề nghị, khách quan, minh bạch, đảm bảo kinh tế, cạnh tranh, tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả, không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng; Chất lượng sản phẩm hàng hoá đảm bảo theo quy định Luật chất lượng sản phẩm, hàng hoá và Luật quy chuẩn và tiêu chuẩn; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực pháp luật về giá, pháp luật về cạnh tranh và pháp luật về lĩnh vực có liên quan, đặc biệt hiểu rõ nghĩa vụ của tổ chức, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh theo quy định tại Điều 7, Điều 9 Luật Giá số 16/2023/QH15 và cam kết chấp hành nghiêm pháp luật về giá và quy định pháp luật có liên quan.

Chi nhánh Công ty TNHH Long Sơn tại Thanh Hóa - Nhà máy xi măng Long Sơn xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng, tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng Bắc Ninh;
- Sở Tài chính Bắc Ninh;
- Lưu.



LÃNH ĐẠO CÔNG TY



(Ký tên và đóng dấu)

GIÁM ĐỐC KINH DOANH

Lê Tiến Dũng

